

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2024

V/v ly hôn giữa chị Thương và anh Hùng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phối

Ông Nguyễn Tấn Bình

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1175/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Hiện cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**-Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ A, khu phố C, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2023 của chị Nguyễn Thị T và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2015. Trước khi kết hôn chị và anh H có tìm hiểu nhau một thời gian. Kể từ ngày chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm

gì đến vợ con mà ăn chơi dẫn đến nợ nần , chủ nợ đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình vợ con . Đến tháng 3/2019 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gay gắt nên chị đã dẫn con về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay , phần ai nấy sống , không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng , không có khả năng hàn gắn , tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung : Chị và anh H có hai con chung tên là Nguyễn Hoàng Ka T1, sinh ngày 22-4-2015 và Nguyễn Hoàng Ka L, sinh ngày 07-3-2017, hiện sức khỏe các con vẫn bình thường và đang sống cùng với chị . Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Thanh H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm . Tại phiên tòa sơ thẩm , Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H và giao hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Ka T1 và Nguyễn Hoàng Ka L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị T, là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05-01-2024. Anh Nguyễn Thanh H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự

kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị **T**, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2015 do **UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** cấp, căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Thanh H** là hôn nhân hợp pháp. Chị **Thương yêu c** Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H** vì mâu thuẫn giữa chị và anh **H** đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh **H** đến Tòa để khai báo, hòa giải tạo điều kiện cho anh **H** hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **H** cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện anh **H** thực sự không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến việc chị **Thương yêu c** ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa chị **T** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị **T** là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị **T** và anh **H** có hai con chung tên là **Nguyễn Hoàng Ka T1**, sinh ngày 22-4-2015 và **Nguyễn Hoàng Ka L**, sinh ngày 07-3-2017, hiện sức khỏe các cháu vẫn bình thường và đang sống cùng chị **T**. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung sau khi ly hôn của chị **T**, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Nguyễn Thanh H** không có văn bản gửi cho Tòa án về việc nuôi dưỡng con chung. Cháu **T1** có nguyện vọng được sống cùng với chị **T** sau khi chị **T** và anh **H** ly hôn. Mặt khác, các cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện các cháu **T1** và **L** đang sống cùng với chị **T** đã ổn định tâm lý, tình cảm, do đó yêu cầu nuôi hai con chung của chị **T** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu được ly hôn và được trực tiếp nuôi hai con chung của chị **T** là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh H**.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên là **Nguyễn Hoàng Ka T1**, sinh ngày 22-4-2015 và **Nguyễn Hoàng Ka L**, sinh ngày 07-3-2017 cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000151 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị **T** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Thanh H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự: **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Nhơn Bình, **TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**  
(ĐKKH số 01/05.01.2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Thị Kim Anh**

